

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2026

Số: /PJICO/TTR-HĐQT

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Phê duyệt báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty được Đại hội cổ đông thông qua;
- Căn cứ Quy chế tài chính của Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex do Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 15/2012/QĐ-HĐQT ngày 08/04/2022.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm) với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

1 Báo cáo tài chính năm 2025

- Tổng tài sản:	9,216,518,767,811	đồng
- Vốn chủ sở hữu:	1,953,202,840,408	đồng
- Dự phòng nghiệp vụ:	2,691,880,606,207	đồng
Dự phòng gốc và nhận tái bảo hiểm:	4,625,176,753,701	đồng
Dự phòng dao động lớn:	403,115,805,832	đồng
Dự phòng nhượng tái bảo hiểm:	2,336,411,953,326	đồng

2 Một số chỉ tiêu chính thực hiện năm 2025 ĐHCĐ giao:

T T	Chi tiêu	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	So sánh	
					2025/ KH	2025/ 2024
1	Tổng doanh thu:	5,279,215,271,620	5,510,366,694,644	5,174,800,000,000	106%	104%
	<i>Trong đó: Doanh thu phí bảo hiểm gốc</i>	<i>4,396,505,471,267</i>	<i>4,618,892,348,071</i>	<i>4,400,000,000,000</i>	<i>105%</i>	<i>105%</i>
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	291,191,361,657	306,122,022,533	306,000,000,000	100%	105%
	<i>Thuế TNDN</i>	<i>58,950,856,426</i>	<i>60,573,432,402</i>			<i>103%</i>
	<i>Tổng LN kế toán sau thuế</i>	<i>232,240,505,231</i>	<i>245,548,590,131</i>			<i>106%</i>
3	Mức chia cổ tức bằng tiền	12%/vốn điều lệ	12%/vốn điều lệ	12%/vốn điều lệ	100%	100%

Kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT, TH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
BẢO HIỂM
PETROLIMEX
P. KIM LIÊN - T. P. HÀ NỘI
Phạm Thanh Hải

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DNPNT)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DNPNT)	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DNPNT)	13
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DNPNT)	14

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép Thành lập và Hoạt động

Số 1873/GP-UB đề ngày 8 tháng 6 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất là số 67/GPĐC15/KDBH được cấp ngày 8 tháng 6 năm 2022.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thanh Hải
Bà Trương Diệu Linh
Ông Lee Jae Hoon

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
(đến ngày 18/4/2025)

Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Thành viên
(đến ngày 15/5/2025)

Bà Trần Thị Bảo Ngọc
Bà Hà Kim Anh
Bà Lê Thị Lan Anh
Ông Choi Sung Jin

Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 18/4/2025)

Ủy ban Kiểm toán

Bà Lê Thị Lan Anh
Bà Trương Diệu Linh

Chủ tịch
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Tổng Giám đốc
(đến ngày 15/5/2025)

Ông Trần Anh Tuấn

Tổng Giám đốc
(từ ngày 16/6/2025)

Ông Bùi Hoài Giang

Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 16/6/2025)

Ông Lê Thanh Đạt

Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 31/7/2025)

Ông Bùi Văn Thảo
Ông Trần Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 1/12/2025)

Ông Nguyễn Anh Hoàng

Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 15/5/2025)

Bà Đặng Thị Ngọc Oanh

Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 16/7/2025)

Ông Vương Quốc Hưng

Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 16/7/2025)

Bà Phạm Thu Hiền

Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 1/8/2025)

Kế toán trưởng

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

**Chuyên gia tính toán
dự phòng và khả năng
thanh toán**

Bà Mai Thùy Dương

Chuyên gia

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Trần Anh Tuấn

Tổng Giám đốc
(từ ngày 16/6/2025)

Ông Phạm Thanh Hải

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
(từ ngày 15/5/2025
đến ngày 16/6/2025)

Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Tổng Giám đốc
(đến ngày 15/5/2025)

Trụ sở chính

Tầng 21-22 Tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Phường Kim Liên, Hà Nội,
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đối với Báo cáo Tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex ("Tổng Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Tổng Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 68. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Anh Tuấn
Người đại diện theo pháp luật/
Tổng Giám đốc

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 10 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex ("Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2025, và được Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 10 tháng 3 năm 2026. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 68.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Đỗ Đức Hậu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2591-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Văn Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán
5082-2024-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 4261
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)		7.555.986.302.605	7.108.186.167.110
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	102.493.225.096	150.043.597.779
111	Tiền		102.493.225.096	150.043.597.779
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn	4(a)	4.223.935.335.085	4.128.836.279.419
121	Đầu tư tài chính ngắn hạn		4.226.765.335.085	4.131.659.490.152
129	Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn		(2.830.000.000)	(2.823.210.733)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		716.822.068.530	644.465.792.108
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	638.585.112.706	572.158.628.055
131.1	- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		632.523.751.215	554.757.548.904
131.2	- Phải thu khác của khách hàng		6.061.361.491	17.401.079.151
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.439.765.231	2.904.544.371
135	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6(a)	126.930.108.830	121.356.829.191
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(52.132.918.237)	(51.954.209.509)
140	Hàng tồn kho		10.327.208.132	19.185.267.238
141	Hàng tồn kho	8	10.327.208.132	19.185.267.238
150	Tài sản ngắn hạn khác		165.996.512.436	147.505.582.504
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	165.798.372.890	146.424.696.958
151.1	- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		137.521.461.000	126.500.808.943
151.2	- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		28.276.911.890	19.923.888.015
158	Tài sản ngắn hạn khác		198.139.546	1.080.885.546
190	Tài sản tái bảo hiểm		2.336.411.953.326	2.018.149.648.062
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	18(a)	855.704.918.459	784.050.633.677
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18(a)	1.480.707.034.867	1.234.099.014.385

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(TIẾP THEO)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)		1.671.734.529.247	1.316.624.470.221
210	Các khoản phải thu dài hạn		34.098.964.007	33.937.087.279
218	Phải thu dài hạn khác	6(b)	34.098.964.007	33.937.087.279
218.1	- Ký quỹ bảo hiểm		10.000.000.000	10.000.000.000
218.2	- Phải thu dài hạn khác		24.098.964.007	23.937.087.279
220	Tài sản cố định		655.345.341.132	623.092.809.755
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	345.154.108.888	348.479.135.062
222	Nguyên giá		742.838.838.096	718.510.330.656
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(397.684.729.208)	(370.031.195.594)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	302.618.285.507	267.755.151.956
228	Nguyên giá		420.360.412.877	388.357.309.842
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(117.742.127.370)	(120.602.157.886)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	7.572.946.737	6.858.522.737
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	930.987.541.055	594.987.983.979
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	1.350.000.000
258	Đầu tư dài hạn khác		932.796.307.358	596.552.785.358
259	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.808.766.303)	(2.914.801.379)
260	Tài sản dài hạn khác		51.302.683.053	64.606.589.208
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	48.204.216.345	61.161.304.208
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.098.466.708	3.445.285.000
270	TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)		9.227.720.831.852	8.424.810.637.331

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

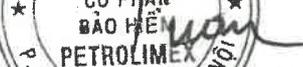
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(TIẾP THEO)**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)		7.274.517.991.443	6.517.429.552.555
310	Nợ ngắn hạn		7.218.579.849.057	6.461.305.012.399
311	Vay và nợ ngắn hạn	12	906.287.686.118	615.075.407.326
312	Phải trả cho người bán ngắn hạn	13	568.000.719.432	552.664.823.210
312.1	- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		532.628.479.053	503.319.927.488
312.2	- Phải trả khác cho người bán		35.372.240.379	49.344.895.722
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14(b)	67.363.916.346	51.851.640.660
315	Phải trả người lao động	15	312.324.040.978	269.590.256.928
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16(a)	17.447.346.456	46.174.049.414
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	16(a)	171.551.355.689	156.450.273.209
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	147.312.224.505	116.140.401.826
329	Dự phòng nghiệp vụ		5.028.292.559.533	4.653.358.159.826
329.1	- Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	18(a)	2.362.406.421.604	2.301.114.435.815
329.2	- Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	18(a)	2.262.770.332.097	1.953.371.718.519
329.3	- Dự phòng dao động lớn	18(b)	403.115.805.832	398.872.005.492
330	Nợ dài hạn		55.938.142.386	56.124.540.156
333	Phải trả dài hạn khác		2.227.627.300	2.017.627.300
337	Dự phòng phải trả dài hạn	19	15.492.333.541	17.226.425.000
338	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16(b)	38.218.181.545	36.880.487.856
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)		1.953.202.840.409	1.907.381.084.776
410	Vốn chủ sở hữu		1.953.202.840.409	1.907.381.084.776
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20	1.108.967.960.000	1.108.967.960.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20	137.672.919.516	137.672.919.516
417	Quỹ đầu tư phát triển	21	198.881.682.367	166.368.011.635
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	21	110.896.796.000	110.896.796.000
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21	396.783.482.526	383.475.397.625
440	TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		9.227.720.831.852	8.424.810.637.331


Phan Anh Minh
Người lập


Phạm Thu Hiền
Kế toán trưởng




Trần Anh Tuấn
Người đại diện theo pháp luật/
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2026

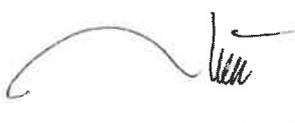
Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(TIẾP THEO)

Mã số	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	Tại ngày	
			31/12/2025	31/12/2024
1.	Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	139.431.638.675	95.755.135.059
2.	Nợ khó đòi đã xử lý	VND	49.203.060.649	43.011.733.916
3.	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ	USD	212.672,52	516.398,03
	Đô la Úc	AUD	9,35	9,35
	Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	5,67	16.510,55
	Bảng Anh	GBP	3,07	3,07



Phan Anh Minh
Người lập



Phạm Thu Hiền
Kế toán trưởng



Trần Anh Tuấn
Người đại diện theo pháp luật/
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		3.639.362.524.461	3.418.357.627.290
12	Doanh thu hoạt động tài chính	29	135.797.991.042	147.801.576.743
13	Thu nhập khác	32(a)	36.991.457.709	24.733.019.006
20	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		2.800.771.272.387	2.602.704.353.103
22	Chi phí hoạt động tài chính	30	29.747.326.884	36.102.363.451
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	669.080.263.415	655.794.195.158
24	Chi phí khác	32(b)	6.431.087.993	5.099.949.670
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+12+13-20-22-23-24)		306.122.022.533	291.191.361.657
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	34	60.226.614.110	59.532.078.426
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	34	346.818.292	(581.222.000)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)		245.548.590.131	232.240.505.231
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	2.214	1.493
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22	2.214	1.493



Phan Anh Minh
Người lập



Phạm Thu Hiền
Kế toán trưởng



Trần Anh Tuấn
Người đại diện theo pháp luật/
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND
1	Doanh thu phí bảo hiểm (1=1.1+1.2-1.3)	23	4.788.242.489.880	4.393.872.320.062
1.1	- Phí bảo hiểm gốc		4.618.892.348.071	4.396.505.471.267
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		230.642.127.598	213.994.875.076
1.3	- Tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		61.291.985.789	216.628.026.281
2	Phí nhượng tái bảo hiểm (2=2.1-2.2)	24	1.636.922.735.643	1.471.695.022.300
2.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		1.708.577.020.425	1.524.644.409.562
2.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		71.654.284.782	52.949.387.262
3	Doanh thu phí bảo hiểm thuần (3=1-2)		3.151.319.754.237	2.922.177.297.762
4	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (4=4.1+4.2)		488.042.770.224	496.180.329.528
4.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	25	331.189.776.678	318.036.774.592
4.2	- Doanh thu khác	26(a)	156.852.993.546	178.143.554.936
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=3+4)		3.639.362.524.461	3.418.357.627.290
11	Chi phí bồi thường (11=11.1-11.2)	27	2.109.857.481.438	1.675.374.026.628
11.1	- Tổng chi bồi thường		2.109.867.481.438	1.675.374.026.628
11.2	- Các khoản giảm trừ		10.000.000	-
12	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	27	604.498.453.638	330.852.401.336
13	Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	27	309.398.613.578	338.526.617.821
14	Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	27	246.608.020.482	278.522.951.833
15	Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15=11-12+13-14)	27	1.568.149.620.896	1.404.525.291.280
16	Tăng dự phòng dao động lớn và đảm bảo cân đối	18(b)	4.243.800.340	7.939.844.218
17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)		1.228.377.851.151	1.190.239.217.605
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm	28	273.330.948.922	238.474.724.357
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	26(b)	955.046.902.229	951.764.493.248
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)		2.800.771.272.387	2.602.704.353.103
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)		838.591.252.074	815.653.274.187

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND
23	Doanh thu hoạt động tài chính	29	135.797.991.042	147.801.576.743
24	Chi phí hoạt động tài chính	30	29.747.326.884	36.102.363.451
25	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)		106.050.664.158	111.699.213.292
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	669.080.263.415	655.794.195.158
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26)		275.561.652.817	271.558.292.321
31	Thu nhập khác	32(a)	36.991.457.709	24.733.019.006
32	Chi phí khác	32(b)	6.431.087.993	5.099.949.670
40	Lợi nhuận khác (40=31-32)		30.560.369.716	19.633.069.336
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		306.122.022.533	291.191.361.657
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	34	60.226.614.110	59.532.078.426
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	34	346.818.292	(581.222.000)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)		245.548.590.131	232.240.505.231
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	2.214	1.493
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22	2.214	1.493

Phan Anh Minh
Người lập

Phạm Thu Hiền
Kế toán trưởng

Trần Anh Tuấn
Người đại diện theo pháp luật/
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2026



Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	4.146.291.472.248	4.066.434.627.273
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	(3.280.061.121.030)	(3.114.474.521.262)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(789.189.832.414)	(729.243.401.474)
04	Tiền chi trả lãi vay	(25.343.286.613)	(14.989.118.770)
05	Thuế TNDN đã nộp	(47.931.453.105)	(62.819.925.177)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	295.028.849.728	351.152.143.118
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(225.297.637.040)	(298.462.926.293)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	73.496.991.774	197.596.877.415
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(96.568.813.180)	(33.934.070.858)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	385.000	97.000.000
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.391.942.258.993)	(2.207.341.440.200)
24	Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.927.229.300.000	1.627.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(8.625.600.000)	(15.877.200.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.152.614.000	18.490.525.132
27	Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	276.983.213.967	294.617.046.738
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(278.771.159.206)	(316.948.139.188)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	1.484.330.063.241	1.143.793.205.842
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.193.117.784.449)	(886.721.951.673)
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(133.208.158.030)	(132.503.091.732)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	158.004.120.762	124.568.162.437
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	(47.270.046.670)	5.216.900.664
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 150.043.597.779	143.522.673.523
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(280.326.013)	1.304.023.592
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	3 102.493.225.096	150.043.597.779

Phan Anh Minh
Người lập

Phạm Thu Hiền
Kế toán trưởng



Trần Anh Tuấn
Người đại diện theo pháp luật/
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 68 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.